

Số: 487/KH-UBND

Thị trấn Tín, ngày 26 tháng 3 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số xã Thị trấn Tín giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030; UBND xã ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số xã Thị trấn Tín giai đoạn 2026 - 2030 với các nội dung như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 2692/QĐ-TTg ngày 11/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Ứng dụng Internet vạn vật (IoT) trong lĩnh vực giao thông thông minh”;

- Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số;

- Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 05-KH/TU ngày 20/7/2025 của Tỉnh ủy Triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh về Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch hành động số 09-KH/ĐU ngày 22/8/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số tại: Quyết định số 2629/QĐ-TTg ngày 01/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình phát triển Chính phủ số; Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 06/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 05-KH/TU ngày 20/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về thúc đẩy chuyển đổi số liên thông, đồng bộ, nhanh, hiệu quả đáp ứng yêu cầu sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kế hoạch hành động số 09-KH/ĐU ngày 22/8/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 04/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030.

- Xây dựng nền hành chính điện tử, chính quyền số tại xã Thiện Tín: Ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu số để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Đảm bảo liên thông, chia sẻ dữ liệu, hạ tầng số ổn định và hiện đại giữa các cơ quan, tạo điều kiện kết nối giữa chính quyền, người dân, doanh nghiệp.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, hồ sơ điện tử, văn bản điện tử, giảm thủ tục hành chính, tăng sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực số, hiểu biết công nghệ, đổi mới tư duy và phương thức làm việc.

- Tăng cường công tác an toàn, an ninh thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu, đảm

bảo hoạt động thông suốt và bảo mật. Hướng tới mục tiêu dữ liệu làm nền tảng cho chỉ đạo, điều hành theo dõi, giám sát, đánh giá dựa trên số liệu góp phần ra quyết định chính xác hơn.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

a) Cung cấp dịch vụ số bao trùm, thông minh

*** Giai đoạn 2026 - 2027**

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện trên địa bàn được thực hiện trực tuyến toàn trình.

- 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ.

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

*** Giai đoạn 2028 - 2030**

- 98% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình được ứng dụng AI trong ít nhất một trong các khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ, hỗ trợ người dùng hoặc ra quyết định tự động, nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng phục vụ.

- 50% dịch vụ công trực tuyến thiết yếu trên địa bàn được triển khai ở mức chủ động, được AI hỗ trợ “cá thể hóa”, thông báo hoặc gợi ý hành động theo các mốc sự kiện quan trọng.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được số hóa được tái sử dụng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% các ứng dụng, nền tảng được ban hành theo Quyết định số 33/2025/QĐ-TTg ngày 15/9/2025 của Thủ tướng Chính phủ được triển khai sử dụng trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng.

b) Cơ quan nhà nước quản lý, chỉ đạo, điều hành thông minh, an toàn dựa trên dữ liệu

*** Giai đoạn 2026 - 2027**

- 100% các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực phục vụ Chính phủ số, Chính quyền số do Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương triển khai đến cấp xã, phường, xã được triển khai thực hiện.

- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường điện tử (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.

- 100% chế độ báo cáo của UBND xã được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản.

- UBND xã đạt cấp độ 3 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

- Cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, dữ liệu xã được đào tạo đạt chứng chỉ quản trị dữ liệu cơ bản.

*** Giai đoạn 2028 - 2030**

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng trợ lý ảo hoặc công cụ số thông minh để hỗ trợ thực thi công vụ nhằm nâng cao hiệu suất làm việc.

- 100% các phòng, đơn vị thuộc UBND xã sử dụng ít nhất 01 ứng dụng AI để phục vụ công tác tham mưu chỉ đạo, điều hành, cải cách hành chính.

- 100% nhiệm vụ của các cơ quan hành chính thực hiện được theo dõi, quản lý, giám sát trên môi trường số.

- 100% các cơ quan, đơn vị thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường số.

- 90% phản hồi, góp ý của người dân từ cổng dịch vụ công quốc gia, mạng xã hội, hệ thống phản ánh hiện trường,...được trợ lý ảo hỗ trợ xử lý.

- UBND xã đạt cấp độ 4 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu.

- 100% các hệ thống thông tin phục vụ phát triển Chính quyền phải được phê duyệt hồ sơ đề xuất bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng theo cấp độ trước khi đưa vào vận hành, sử dụng; được kiểm tra, đánh giá mức độ bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng định kỳ.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh

*** Giai đoạn 2026 - 2027**

- Phần đầu tỷ trọng kinh tế số trên địa bàn đạt 15% GRDP (theo chỉ tiêu của tỉnh).

- Phần đầu năng suất lao động bình quân tăng 5%.

- Phần đầu 50% doanh nghiệp trên địa bàn sử dụng nền tảng số.

- Phần đầu 50% doanh nghiệp trên địa bàn sử dụng hợp đồng điện tử.

*** Giai đoạn 2028 - 2030**

- Phần đầu tỷ trọng kinh tế số trên địa bàn đạt từ 20- 30% GRDP theo chỉ tiêu của tỉnh.

- Phần đầu 70% doanh nghiệp trên địa bàn sử dụng nền tảng số.

- Phần đầu năng suất lao động bình quân tăng 7%.

- Trên 70% doanh nghiệp trên địa bàn sử dụng nền tảng số.

- Phần đầu 80% doanh nghiệp trên địa bàn sử dụng hợp đồng điện tử.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

*** Giai đoạn 2026 - 2027**

- 80% dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khai thác.
- Phân đầu 50% dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân.
- Phân đầu 80% người dân biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.
- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 95% dân số trên địa bàn.
- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn đạt 50%.
- Trên 80% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.
- 85% người dân trên địa bàn có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số.

*** Giai đoạn 2028 - 2030**

- 95% dân số từ 15 tuổi trở lên trên địa bàn có tài khoản tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khai thác.
- Tối thiểu 90% người dân trên địa bàn biết kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông.
- Mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 100% dân số.
- Tỷ lệ sử dụng IPv6 trên địa bàn đạt 80% trở lên.
- Trên 95% dân số trưởng thành có điện thoại thông minh.
- 100% người dân có khả năng tiếp cận các kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số; Phổ cập nền tảng truyền hình số quốc gia tới 100% hộ gia đình có kết nối Internet.

(Phân công theo dõi, thực hiện các mục tiêu cụ thể tại Phụ lục I kèm theo)

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành hoạt động chuyển đổi số

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Ban Chỉ đạo), tăng cường công tác lãnh đạo, điều hành thực hiện các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ chuyển đổi số của xã; thường xuyên tổ chức các phiên họp, hội nghị để chỉ đạo, đánh giá kết quả triển khai, giải quyết các vướng mắc cụ thể; xác định cụ thể chủ đề, vấn đề cần tập trung chỉ đạo, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc sát thực tế, đạt hiệu quả.

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm chỉ đạo bổ sung, hoàn thiện và triển khai hiệu quả Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn năm 2026 - 2030 của cơ quan, đơn vị mình gắn với các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ Chuyển đổi số của UBND xã.

- Gắn kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số với công tác đánh giá, thi

đua, khen thưởng hằng năm của từng đơn vị và cá nhân, đặc biệt là người đứng đầu.

2. Thể chế, chính sách số

- Xây dựng các văn bản tổ chức thực hiện và thi hành cụ thể hóa các văn bản của Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số.
- Triển khai hiệu quả chính sách đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số tại xã phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.
- Hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp, hộ kinh doanh nâng cao việc ứng dụng và sử dụng kỹ năng số, phát triển thương mại điện tử, xây dựng kênh bán hàng số cho sản phẩm đặc sản, OCOP trên địa bàn.

3. Hạ tầng số

- Triển khai và thiết lập các điểm truy cập internet công cộng trên địa bàn.
- Xây dựng hạ tầng công nghệ số hiện đại, an toàn và đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đảm bảo quản lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu một cách hiệu quả, an toàn.
- Tạo điều kiện cho doanh nghiệp viễn thông Viettel, VNPT phát triển kết nối internet băng rộng cố định đến hộ gia đình, cụm dân cư; phủ sóng 5G, 6G trên toàn bộ địa bàn xã. Thực hiện việc nâng cấp băng thông, thay thế thiết bị cũ, đảm bảo ổn định và an toàn theo tiêu chuẩn của tỉnh, bộ ngành Trung ương.
- Thường xuyên rà soát, lập danh mục thay thế các máy tính cũ không đáp ứng yêu cầu triển khai các phần mềm nghiệp vụ; đề xuất trang bị mới theo lộ trình phù hợp.
- Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc "Chương trình thúc đẩy, triển khai, chuyển đổi IPv6 only cho Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030" trên địa bàn.

4. Nhân lực số

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng sử dụng các hệ thống thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức.
- Phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

5. Phát triển dữ liệu số

- Thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cập nhật, khai thác hiệu quả dữ liệu đã số hóa.
- Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh, trung ương theo đúng quy định.
- Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice được kết nối thường xuyên; việc giao, nhận văn bản trực tiếp trên hệ thống đảm bảo 100% văn bản đi - đến được xử lý trên môi trường mạng (trừ các văn bản mật theo quy định), chú trọng công tác chuẩn hóa dữ liệu số; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ điện tử theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ.

6. An toàn thông tin mạng

Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo Thông tư 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều theo Nghị định số

85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

7. Chính quyền số

- Triển khai xây dựng, phát triển hạ tầng số phục vụ Chính quyền số theo Quyết định số 1132/QĐ-TTg ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược hạ tầng số đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Nâng cấp hạ tầng mạng, thiết bị công nghệ thông tin tại UBND xã và các đơn vị trực thuộc, bảo đảm kết nối ổn định, an toàn.

- Ưu tiên thuê dịch vụ công nghệ thông tin, sử dụng hạ tầng công nghệ thông tin.

8. Kinh tế số và xã hội số

- Chủ động thực hiện các thủ tục hành chính thông qua tài khoản định danh cá nhân VneID tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trên địa bàn; củng cố nâng cao nhận thức của người dân và doanh nghiệp trong việc tiếp cận và thực hiện các thủ tục hành chính có liên quan.

- Tiếp cận và đưa ra các giải pháp phát triển kinh tế số về du lịch theo hướng ứng dụng công nghệ nhằm tối ưu hóa hoạt động quản trị, vận hành, khai thác, kinh doanh của các cơ sở lưu trú trên địa bàn.

9. Nâng cao nhận thức, tuyên truyền, truyền thông và các giải pháp khác đẩy mạnh chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về chuyển đổi số, tuyên truyền, vận động các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh trên địa bàn tham gia chương trình Giới thiệu sản phẩm OCOP, sản phẩm có thể mạnh của địa phương lên sàn thương mại điện tử, nhất là đối với các sản phẩm OCOP trên địa bàn; thực hiện việc ứng dụng công nghệ thông tin vào quy trình sản xuất đối với các sản phẩm OCOP trên địa bàn.

- Phấn đấu tuyên truyền và thực hiện thay đổi nhận thức chuyển từ “ngại ứng dụng và sử dụng công nghệ” sang nhận thức “thích ứng công nghệ” đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo năng lực số cơ bản và kỹ năng sử dụng dữ liệu số.

- Xây dựng và triển khai các hoạt động tuyên truyền, phổ biến về chuyển đổi số với nội dung, hình thức đa dạng, phù hợp với từng nhóm đối tượng; chú trọng tuyên truyền về lợi ích, kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến, định danh điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số thiết yếu.

- Tạo phong trào phát triển năng lực số trong học sinh; phổ cập kỹ năng số cơ bản cho học sinh phổ thông. Tăng cường hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp để triển khai chương trình thực tập, trải nghiệm công nghệ cho học sinh.

10. Đảm bảo nguồn lực tài chính

Bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước trong dự toán hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo quy định; ưu tiên kinh phí cho các nhiệm vụ trọng tâm như hạ tầng số, dữ liệu số, an toàn thông tin, đào tạo nguồn nhân lực. Khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp khác; đẩy mạnh hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, thuê hạ tầng số nhằm tiết kiệm chi phí đầu tư ban đầu, nâng

cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Văn hóa - Xã hội là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số, có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, phối hợp với các phòng, Trung tâm Phục vụ hành chính công, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này; báo cáo UBND xã, Chủ tịch UBND xã kết quả thực hiện về chuyển đổi số trên địa bàn.

2. Trung tâm Phục vụ hành chính công

- Tham mưu cho UBND xã triển khai số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử; triển khai các nhiệm vụ đẩy mạnh chuyển đổi số phục vụ công tác báo cáo, chỉ đạo, điều hành của UBND xã.

- Phối hợp với các cơ quan đơn vị liên quan rà soát, nâng cao hiệu quả hoạt động Hệ thống giải quyết TTHC, Hệ thống thư điện tử...

3. Phòng Kinh tế:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thúc đẩy thương mại điện tử, phát triển thương mại số, đưa các sản phẩm nông nghiệp OCOP lên các sàn thương mại điện tử.

- Chủ động tham mưu cho UBND xã nguồn kinh phí thực hiện nội dung chuyển đổi số hàng năm theo quy định.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã: Tăng cường công tác tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử xã; tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, giải quyết TTHC mức độ một phần, toàn trình tại cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh triển khai thực hiện ứng dụng CNTT, chứng thư số tại cơ quan, đơn vị.

4. Trung tâm cung ứng dịch vụ công: Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về chuyển đổi số; tăng cường thời lượng tuyên truyền, phổ biến các hoạt động chuyển đổi số trên địa bàn xã.

5. Công an xã: Chủ trì triển khai thực hiện các nội dung thuộc Đề án 06 trên địa bàn xã.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030 của UBND xã Thiện Tín. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Thường trực Đảng ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- UBNDTTQVN xã;
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Quốc Vương

PHỤ LỤC I
BẢNG CHỈ TIÊU CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 – 2030
(Kèm theo Kế hoạch số 487/KH -UBND ngày 26/3/2026 của UBND xã Thiện Tín)

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2026-2027	2028-2030	Cơ quan chủ trì theo dõi
I	Chính quyền số				
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính đủ điều kiện thực hiện trực tuyến toàn trình	%	100	100	Trung tâm PVHCC
2	Hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC được số hóa	%	100	100	Trung tâm PVHCC
3	Hồ sơ điện tử được tái sử dụng trong giải quyết TTHC	%	80	100	Trung tâm PVHCC
4	Hồ sơ công việc xử lý trên môi trường điện tử	%	100	100	Văn phòng HĐND-UBND
5	Chế độ báo cáo của UBND xã thực hiện trên hệ thống thông tin báo cáo	%	100	100	Văn phòng HĐND-UBND
6	Cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số	%	100	100	Phòng VH-XH
7	Hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu	%	80	100	Phòng VH-XH
8	Phòng, đơn vị sử dụng ứng dụng AI hỗ trợ công việc	%	30	100	Phòng VH-XH
9	Mức độ trưởng thành quản trị dữ liệu của UBND xã	Cấp độ	3	4	Phòng VH-XH
10	Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	95	98	Trung tâm PVHCC
II	Kinh tế số				
11	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP	%	15	20-30	Phòng Kinh tế
12	Doanh nghiệp sử dụng nền tảng số	%	50	70	Phòng Kinh tế
13	Doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	%	50	80	Phòng Kinh tế
III	Xã hội số				
14	Dân số có tài khoản ngân hàng	%	80	95	Ngân hàng
15	Người dân có chữ ký số cá nhân	%	50	70	Phòng VH-XH
16	Người dân có kỹ năng CNTT cơ bản	%	80	90	Phòng VH-XH
17	Phủ sóng mạng 5G	% DS	95	100	Doanh nghiệp viễn thông
18	Tỷ lệ sử dụng IPv6	%	50	80	Phòng VH-XH, các doanh nghiệp viễn thông
19	Người dân trưởng thành sử dụng điện thoại thông minh	%	80	95	Phòng VH-XH
20	Người dân tiếp cận kênh truyền thông chính thống trên nền tảng số	%	85	100	Trung tâm TT-VH-TT

PHỤ LỤC II
DANH MỤC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI CHUYỂN ĐỔI SỐ
GIẢI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Kế hoạch số 487/KH -UBND ngày 26/3/2026 của UBND xã Thiện Tín)

TT	Nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Thời gian	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Tổ chức triển khai Kế hoạch chuyển đổi số xã	Kế hoạch, báo cáo định kỳ	Hàng năm	Phòng VH-XH	Các phòng ban
2	Kiện toàn Ban Chỉ đạo chuyển đổi số	Quyết định kiện toàn	2026	UBND xã	Phòng VH-XH
3	Triển khai số hóa hồ sơ và kết quả TTHC	Cơ sở dữ liệu hồ sơ điện tử	2026-2030	Trung tâm PVHCC	Văn phòng HĐND-UBND
4	Nâng cấp hạ tầng mạng, thiết bị CNTT tại cơ quan nhà nước	Hệ thống mạng nội bộ, thiết bị CNTT	2026-2028	Phòng VH-XH	Văn phòng HĐND-UBND
5	Phát triển hạ tầng viễn thông, phủ sóng 5G	Hạ tầng viễn thông, trạm phát sóng	2026-2030	Phòng VH-XH	Viettel, VNPT
6	Xây dựng và khai thác dữ liệu số của cơ quan nhà nước	Kho dữ liệu số	2026-2030	Phòng VH-XH	Các phòng ban
7	Triển khai nền tảng quản lý văn bản điện tử và chữ ký số	Hệ thống quản lý văn bản điện tử	2026-2030	Văn phòng HĐND-UBND	Các cơ quan
8	Đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ công chức	Lớp đào tạo, chứng chỉ	Hàng năm	Phòng VH-XH	Các cơ quan, đơn vị
9	Phát triển thương mại điện tử cho sản phẩm OCOP	Sản phẩm trên sàn TMĐT	2026-2030	Phòng Kinh tế	Các doanh nghiệp có sản phẩm OCOP
10	Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt	Hệ thống thanh toán điện tử	2026-2030	Ngân hàng	UBND xã
11	Tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số	Chương trình truyền thông	Hàng năm	Trung tâm CƯĐVC	Phòng VH-XH
12	Triển khai an toàn thông tin mạng	Hồ sơ cấp độ ATTT	2026-2030	Văn phòng HĐND-UBND	Công an, Phòng VH-XH
13	Triển khai Đề án 06 về dữ liệu dân cư	Hệ thống dữ liệu dân cư	2026-2030	Công an xã	Các cơ quan
14	Phát triển du lịch số	Ứng dụng du lịch thông minh	2027-2030	Phòng VH-XH	Doanh nghiệp
15	Phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Mô hình hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng	2026-2030	Phòng VH-XH	Các phòng, ban, đơn vị